

QUỐC TẾ HOÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: XU HƯỚNG CỦA THẾ GIỚI VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Đỗ Thị Hồng Liên

Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: liendth@isvnu.vn

Article history

Received: 24/8/2022

Accepted: 28/11/2022

Published: 20/01/2023

Keywords

Internationalization of curriculum, bibliometric method, Scopus, recommendations, Vietnam

ABSTRACT

In the context that internationalization of higher education has been accelerated in many countries with a variety of roles, objectives and operating strategies, Internationalization of Curriculum (IoC) is one of the key solutions. In Vietnam, IoC has been implemented at different levels with diverse approaches, methods and results. On the basis of analyzing some results of a bibliometric study on internationalization of training programs on a dataset extracted from the Scopus system and understanding the relevant context in Vietnam, the article presents some major trends in the internationalization of higher education, internationalization of training programs in Vietnam, and at the same time, discusses the reasons why the internationalization of training programs is still limited. Accordingly, the author then proposes some suitable solutions from the policy level to the higher education institution level.

1. Mở đầu

Trong vòng hai thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XXI, thế giới đã chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ về mọi mặt của đời sống, trong đó sự gia tăng về dòng chảy con người, văn hoá, tư tưởng, giá trị, tri thức, công nghệ và kinh tế vượt ra khỏi mọi biên giới đã dẫn đến một thế giới kết nối và phụ thuộc lẫn nhau. Những thay đổi này của bối cảnh thế giới hiện đại đặt ra yêu cầu đối với hệ thống giáo dục ở các nước về việc tăng cường hội nhập quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học (Kashkan & Egorova, 2015), trong đó quốc tế hoá giáo dục đại học (GDĐH) được cho là một trong những giải pháp quan trọng. Các hoạt động quốc tế hoá GDĐH được thực hiện trên nhiều phương diện khác nhau, trong đó nổi bật là sự thương mại hoá giáo dục quốc tế trên phạm vi toàn cầu, sự lưu động của sinh viên (SV) và đội ngũ giảng dạy, sự lưu động của các chương trình và nhà cung cấp giáo dục, sự phát triển của các trung tâm giáo dục, sự phổ biến của tiếng Anh, sự tìm kiếm vị thế toàn cầu của các cơ sở giáo dục và sự quan tâm đến đào tạo công dân toàn cầu (Le, 2019). Đặc biệt, nhu cầu tiếp cận với các chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng có khả năng cung cấp cơ hội học tập, tương tác liên văn hoá nhằm chuẩn bị tốt nhất cho người học kĩ năng sống và làm việc trong môi trường toàn cầu hoá đã thúc đẩy xu hướng quốc tế hoá CTĐT trong nước.

Các nghiên cứu về quốc tế hoá CTĐT trước đây đã chỉ ra rằng đây là một quá trình phức tạp, bao gồm sự tham gia của nhiều bên liên quan, có hình thức và nội dung triển khai đa dạng tùy thuộc vào bối cảnh. Ở Việt Nam, quốc tế hoá CTĐT được xem là một trong những trọng tâm trong chính sách giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và khả năng hội nhập. Vì vậy, trên cơ sở thực hiện một nghiên cứu trắc lượng thư mục về quốc tế hoá CTĐT trên bộ dữ liệu được trích xuất từ hệ thống Scopus (386 công trình khoa học bao gồm các bài báo, báo cáo hội thảo, sách và chương sách liên quan đến quốc tế hoá CTĐT từ năm 1986-2021) và tìm hiểu bối cảnh liên quan tại Việt Nam, bài báo này tập trung bàn luận về một số xu hướng chủ yếu về quốc tế hoá GDĐH, quốc tế hoá CTĐT và đề xuất một số giải pháp phù hợp với giáo dục Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số hướng tiếp cận và giải pháp thực thi về quốc tế hoá giáo dục đại học

Xét về khái niệm, các nhà nghiên cứu chia sẻ quan điểm rằng quốc tế hoá giáo dục không phải là một khái niệm đồng nhất (Hudzik, 2011) mà nó mang ý nghĩa khác nhau ở mỗi quốc gia, mỗi cơ sở GDĐH và đối với mỗi chủ thể tham gia tùy thuộc theo mục đích của họ (De Wit, 2013; Leask, 2015). Mặc dù vậy, định nghĩa về quốc tế hoá giáo dục do Knight (2008) đề xuất được xem là định nghĩa phổ biến nhất và được chấp nhận rộng rãi hiện nay: “Quốc tế hoá giáo dục là quá trình tích hợp chiều kích có tính chất quốc tế, liên văn hoá hay toàn cầu vào mục đích, chức năng hay quá trình triển khai GDĐH” (tr 21). Định nghĩa này gần đây đã được De Wit (2020) mở rộng và mô tả quốc tế hoá GDĐH là “quá trình có chủ đích nhằm tích hợp chiều kích có tính chất quốc tế, liên văn hoá hay toàn cầu

vào mục đích, chức năng và quá trình triển khai GDDH nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu cho tất cả SV và đội ngũ giảng viên (GgV), từ đó mang lại đóng góp có ý nghĩa cho xã hội” (tr 281).

Xét về động cơ dẫn đến quốc tế hoá GDDH, theo tổng hợp của Le (2019), có 4 nhóm động cơ chính dẫn đến quốc tế hoá GDDH: (1) *Động cơ chính trị*: Ở phạm vi quốc gia, động lực chính trị của quốc tế hoá giáo dục được xem là một phần của chính sách ngoại giao nhằm đảm bảo an ninh và hoà bình quốc gia. Đặc biệt trong bối cảnh liên kết ngày càng chặt chẽ giữa các nước, việc xuất khẩu giáo dục quốc tế là một chính sách ngoại giao quan trọng của các nước phát triển như Hoa Kỳ, Úc hay các nước châu Âu. Trong khi đó đối với các nước nhỏ và đang phát triển, quốc tế hoá giúp xây dựng và duy trì hình ảnh quốc gia trên toàn cầu; (2) *Động cơ kinh tế*: Quốc tế hoá GDDH có mối liên hệ chặt chẽ với sự phát triển của nền kinh tế với vai trò tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao - yếu tố cần thiết để mang lại lợi thế cạnh tranh. Đối với các cơ sở giáo dục việc gia tăng nguồn thu là động lực chính để thúc đẩy các hoạt động quốc tế hoá giáo dục trong bối cảnh nguồn chi ngân sách giảm và nhu cầu kinh phí cho các hoạt động giáo dục tăng; (3) *Động cơ học thuật*: Xét về định hướng và chức năng của GDDH, một trong những lí do quan trọng thúc đẩy quốc tế hoá GDDH là việc tăng cường chất lượng giáo dục. Các nhà giáo dục cho rằng, chiều kích có tính quốc tế trong giảng dạy, nghiên cứu và dịch vụ sẽ giúp gia tăng chất lượng giáo dục. Sự tham gia của SV quốc tế tài năng trong cộng đồng học thuật cũng giúp đảm bảo an ninh tri thức ở các quốc gia; (4) *Động cơ văn hoá và xã hội*: Động cơ văn hoá và xã hội hướng đến sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân để trở thành một công dân có trách nhiệm với đủ kiến thức và kĩ năng về giao tiếp và quan hệ liên văn hoá. Mặc dù vậy vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về ảnh hưởng của quốc tế hoá đối với văn hoá quốc gia. Một mặt, quốc tế hoá được xem là cách thức để cân bằng ảnh hưởng thuần nhất của toàn cầu hoá. Mặt khác, đây là yếu tố thúc đẩy sự lai tạp, dẫn đến sự xói mòn của các bản thể văn hoá và nền văn hoá bản địa.

Trên thực tế triển khai, quốc tế hoá GDDH được thể hiện qua nhiều chiều kích, thành tố và được triển khai dựa trên các hướng tiếp cận, chiến lược khác nhau tùy theo mỗi khu vực, quốc gia và cơ sở GDDH. Nhìn nhận về các xu thế phát triển của quốc tế hoá GDDH trong vòng 30 năm qua, De Wit (2020) đã chỉ ra những xu hướng chính sau: Tập trung vào việc quốc tế hoá ở nước ngoài hơn ở trong nước; Hệ thống chính sách liên quan mang tính đối phó, rời rạc và giữ vai trò ngoại biên hơn là có tính chiến lược tổng thể và trọng tâm; Quan tâm đến nhóm nhỏ gồm những SV và GgV ưu tú hơn là kết quả đào tạo về năng lực liên văn hoá, toàn cầu cho tất cả mọi người; Được điều khiển bởi những động cơ chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội và học thuật thường xuyên thay đổi, và ngày càng đặt trọng tâm vào nhóm động cơ về kinh tế; Ngày càng được thúc đẩy bởi thứ hạng quốc gia, khu vực và toàn cầu; Ít có sự đồng bộ giữa khía cạnh quốc tế với ba chức năng cốt lõi của GDDH: Đào tạo, nghiên cứu và phụng sự xã hội; Chủ yếu là sự lựa chọn và trọng tâm chiến lược của các cơ sở GDDH hơn là ưu tiên của chính phủ các quốc gia; Ít quan trọng ở các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi nhưng là mối quan tâm có tính chiến lược cụ thể ở các nền kinh tế phát triển.

Như vậy, xét về khái niệm, động cơ, định hướng tiếp cận, xu thế và cơ triển khai, có thể thấy quốc tế hoá GDDH là một quá trình rộng lớn, phức tạp. Ý nghĩa khái niệm và thực tế triển khai của quốc tế hoá giáo dục đã dần thay đổi (Deardorff et al., 2012). Từ việc nhận diện quốc tế hoá chỉ gắn với tuyển sinh quốc tế, đến nay khái niệm này đã được mở rộng trên nhiều khía cạnh với nhiều phương thức triển khai nhằm hướng tới trải nghiệm quốc tế của người học và chuẩn bị cho họ những năng lực cần thiết trong bối cảnh thế giới mới. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của quốc tế hoá chương trình đào tạo với vai trò là trọng tâm của quá trình này (Sá & Serpa, 2020).

2.2. Xu thế quốc tế hoá chương trình đào tạo trong nước

Theo các nhà nghiên cứu, trong nhiều năm quốc tế hoá giáo dục nhấn mạnh vào việc dịch chuyển SV theo hình thức du học (Brewer & Leask, 2012). Tuy nhiên, trong khoảng hơn một thập kỉ trở lại đây, quốc tế hoá CTĐT đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong bối cảnh nhu cầu học tập trong môi trường giáo dục quốc tế ngày càng cao, ngược với tỉ lệ du học sinh hạn chế (Beelen & Leask, 2011).

Xét về khái niệm: theo nghĩa rộng, “quốc tế hoá CTĐT” là việc triển khai hệ thống các hoạt động giáo dục đa dạng như việc tiếp cận và du nhập nội dung giảng dạy từ các nền văn hoá khác nhau, chương trình giảng dạy bằng ngoại ngữ, chương trình tập trung vào việc rèn luyện các kĩ năng liên văn hoá, chương trình liên kết, song bằng hay các chương trình giảng dạy hướng đến đối tượng SV quốc tế (Van der Wende & Bremer, 1995). Ở khía cạnh hẹp hơn, quốc tế hoá CTĐT được hiểu là một quá trình tích hợp các yếu tố có tính toàn cầu, liên quốc gia và liên văn hoá vào chuẩn đầu ra, nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và các dịch vụ hỗ trợ trong CTĐT, hướng đến việc phát triển các quan điểm liên quốc gia, liên văn hoá ở người học, giúp họ trở thành những công dân và chuyên gia toàn cầu (Ivey, 2009).

Leask (2015) đã đề xuất quy trình quốc tế hoá chương trình giảng dạy bao gồm 05 bước. Quy trình này được mô tả tương tự như quy trình thực hiện nghiên cứu hành động được thực hiện liên tục bao gồm việc đánh giá và nhìn nhận lại, điều chỉnh và lập kế hoạch mới, triển khai, và đánh giá. Tuy nhiên trong quy trình mới Leask đề xuất thêm một bước là bước “tương tượng về các khả năng thay đổi mới” về CTĐT trước khi điều chỉnh và lên kế hoạch. Trong triển khai quốc tế hoá CTĐT, một số nhà nghiên cứu cho rằng các CTĐT đang chịu ảnh hưởng nhiều từ giáo dục của các nước phương Tây, từ nội dung, phương pháp (Green & Mertova, 2009) đến ngôn ngữ giảng dạy (Jon & Kim, 2011) mà bỏ qua sự đa dạng văn hoá trong các bối cảnh khác nhau. Do đó Leask (2015) nhận định rằng một trong những thách thức trong việc quốc tế hoá CTĐT ở các nước đang phát triển là đảm bảo việc cân bằng giữa việc phát triển kiến thức, kỹ năng thái độ cần thiết cho sự nghiệp phát triển của quốc gia và tham gia vào môi trường toàn cầu. Cũng theo Leask (2015), các hoạt động quốc tế hoá chương trình đào tạo vừa có những đặc điểm giống nhau và khác biệt ở các khu vực và các nước do đặc điểm chính trị, kinh tế và văn hoá xã hội. Tác giả chỉ ra một số lầm tưởng trong kinh nghiệm quốc tế hoá CTĐT trên thế giới, tiêu biểu là việc hiểu quốc tế hoá CTĐT đơn thuần là: (1) Giảng dạy SV quốc tế; (2) Điều chỉnh nội dung CTĐT hay quá trình giảng dạy để triển khai ở nước ngoài; (3) Sự lưu động của SV thông qua du học hay các chương trình trao đổi; (4) Một số kiểu chương trình phù hợp ở tất cả mọi nơi. Những lầm tưởng và hướng tiếp cận này về quốc tế hoá CTĐT dẫn đến cách triển khai rời rạc và thu hẹp chỉ trong một nhóm đối tượng SV hay một khía cạnh của CTĐT như nội dung, phương pháp giảng dạy hay hoạt động của người học. Theo Leask, hướng tiếp cận tổng thể trong quốc tế hoá CTĐT cần tập trung vào sự phát triển có tính hệ thống của những năng lực người học cần đạt được bao gồm hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để sống và làm việc như một công dân trong một thế giới phẳng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự quan tâm của các học giả đối với chủ đề quốc tế hoá CTĐT ngày càng lớn, thể hiện qua số lượng xuất bản gia tăng đáng kể trong vòng 10 năm trở lại đây. Bên cạnh đó, kết quả phân tích phân bố địa lý của các ấn phẩm khoa học cho thấy một lượng lớn các công trình đến từ các nước Tây Âu có nền giáo dục phát triển và truyền thống xuất khẩu giáo dục. Trong khi đó, số lượng khá hạn chế các công trình và lượt trích dẫn đến từ các nước châu Á và châu Phi cũng một phần phản ánh bản chất của quốc tế hoá GDDH ở các nước này là sự ảnh hưởng của tư tưởng giáo dục Tây Âu (De Wit, 2020) thể hiện qua việc vay mượn và nhập khẩu các CTĐT (Tran et al., 2018) hay sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy (Jon & Kim, 2011). Mặc dù vậy, bản đồ phân tích thời gian xuất hiện gần đây của các công trình nghiên cứu chỉ ra một số quốc gia mới tham gia vào lĩnh vực quốc tế hoá CTĐT là các nước thuộc nhóm đang phát triển như Nam Phi, Malaysia, Việt Nam. Điều này là tín hiệu tích cực cho thấy sự lan toả của quốc tế hoá GDDH, trong đó bao gồm quốc tế hoá CTĐT tới các nước đang phát triển; đồng thời thể hiện đúng tính chất quốc tế với sự đa dạng của văn hoá toàn cầu hơn là chịu sự chi phối rõ rệt của hệ thống giáo dục phương Tây.

Kết quả phân tích về các chủ đề và xu hướng nghiên cứu phổ biến nhất về quốc tế hoá chương trình đào tạo trong khoảng 10 năm trở lại đây (2011-2021) cũng chỉ ra rằng nghiên cứu về quốc tế hoá CTĐT đã đề cập các vấn đề về *quốc tế hoá trong nước* (Brassier-Rodrigue và Brassier, 2021) và *năng lực văn hoá* (Capobianco et al., 2018; Psychouli et al., 2020).

2.3. Quốc tế hoá giáo dục đại học và quốc tế hoá chương trình đào tạo tại Việt Nam

Ở Việt Nam, trong khoảng hai thập kỷ trở lại đây, quốc tế hoá giáo dục là một trong những chiến lược giáo dục quan trọng nằm trong nỗ lực đổi mới hệ thống giáo dục. Theo xu thế phát triển chung của giáo dục thế giới, chính sách giáo dục Việt Nam những năm qua đã đặt mục tiêu hội nhập quốc tế là một trong những giải pháp trọng tâm để nâng cao chất lượng, đặc biệt là chất lượng GDDH. Cụ thể, trong Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2013) đã chỉ ra trong phần nhiệm vụ và giải pháp có nhiệm vụ số 9 về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong GD-ĐT thông qua việc xây dựng nội dung, quy mô, hình thức, cơ chế chính sách phù hợp. Quyết định số 2448/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2013) đã phê duyệt Đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020 cũng đặt ra mục tiêu chung là đến năm 2020, phát triển một số cơ sở GDDH và dạy nghề đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và dạy nghề tiếp cận nền giáo dục tiên tiến của các nước; tiến tới công nhận văn bằng, chuyển đổi tín chỉ và kỹ năng nghề giữa Việt Nam với các nước ASEAN và các nước khác trên thế giới; tăng cường quy mô học sinh, SV, học viên gửi đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, đồng thời thu hút HS, SV, học viên nước ngoài đến học tập tại Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, GgV và CBQL giáo dục và dạy nghề các cấp phục vụ hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, Chỉ thị số 666/CT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT (2020) về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2020-2021 của ngành Giáo dục cũng đặt ra yêu cầu về việc các cơ sở GDDH chủ động mở rộng hợp tác quốc tế

trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, công nhận tín chỉ với các trường đại học nước ngoài có uy tín; tạo điều kiện để SV, nhà khoa học nước ngoài đến học tập, nghiên cứu và giảng dạy tại Việt Nam. Đây mạnh việc thu hút các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín vào Việt Nam thành lập các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu của các cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Khung trình độ quốc gia được phê duyệt vào tháng 10/2016 cũng là một trong các nỗ lực lớn nhằm tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và GDDH của Việt Nam. Khung trình độ quốc gia đã tạo ra cơ sở để đối chiếu, so sánh các trình độ đào tạo của Việt Nam với các quốc gia ASEAN thông qua khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQRF), hỗ trợ việc công nhận bằng cấp, quy đổi tín chỉ, hỗ trợ trao đổi SV và người lao động giữa các quốc gia trong khu vực, tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục dạy nghề, GDDH và tăng tính cạnh tranh của lực lượng lao động Việt Nam.

Các công trình nghiên cứu về quốc tế hoá GDDH cũng đề cập đến phạm vi và xu thế đa dạng trong triển khai quốc tế hoá CTĐT. Chẳng hạn, đề tài nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh quốc tế hoá giáo dục Việt Nam của Nguyễn Trọng Hoài và cộng sự (2021) đã đề xuất Khung phân tích quốc tế hoá hệ thống giáo dục Việt Nam nhằm đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp thúc đẩy quốc tế hoá giáo dục Việt Nam. Trong đó, xét về hiện trạng quốc tế hoá CTĐT, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tới sự gia tăng về mật độ của các chương trình đào tạo chính quy dạy bằng tiếng nước ngoài hay chương trình liên kết quốc tế để thu hút tuyển sinh trong nước và quốc tế và việc nắm bắt xu hướng ứng dụng yếu tố công nghệ trong CTĐT.

Xem xét cụ thể hơn về tình hình triển khai quốc tế hoá CTĐT ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đưa ra kết quả từ nhiều khía cạnh. Chẳng hạn, tác giả Tran và cộng sự (2018) phân tích phân tích 4 động lực của quốc tế hoá CTĐT ở VN, nêu đặc điểm của quốc tế hoá GDDH, phân tích kết quả, đặc biệt là những khó khăn, hạn chế của Đề án đào tạo theo “Chương trình tiên tiến” - một trường hợp điển hình của quốc tế hoá CTĐT. Trong đó các tác giả chỉ ra rằng trong các chương trình liên kết, song bằng hay các chương trình tiên tiến hiện nay chương trình đào tạo được nhập khẩu hoàn toàn từ các trường đại học uy tín về cấu trúc, thiết kế, quản lí, hệ tư tưởng và nội dung. Điều này tạo điều kiện cho việc liên thông đào tạo và sự dịch chuyển của SV, GgV sang các nước. Tuy nhiên, những khác biệt về lịch sử, nhu cầu quốc gia, văn hóa, hệ tư tưởng giáo dục và đặc biệt là hạ tầng cơ sở giữa các trường đại học Việt Nam và các trường đại học đối tác nước ngoài của họ, cách tiếp cận chủ yếu theo hướng này tạo ra những thách thức về tính bền vững, tính khả thi và tính thực tiễn (Tran et al., 2018). Bên cạnh đó, việc chủ động xây dựng chương trình đào tạo của Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế thể hiện qua việc công nhận kiểm định quốc tế, việc công nhận tín chỉ, văn bằng giữa các cơ sở GDDH của Việt Nam và các nước hiện còn hạn chế.

Lí do của những hạn chế trong quốc tế hoá CTĐT tại Việt Nam cũng được Le (2019) trong nghiên cứu về so sánh quốc tế hoá CTĐT ngành kinh doanh giữa các trường đại học tại Việt Nam và Australia chỉ ra một phần là từ sự khác biệt trong quan điểm và thực tiễn triển khai quốc tế hoá CTĐT thể hiện qua những điều kiện cấu trúc như chính sách của nhà nước, chiến lược và nguồn lực từ cơ sở giáo dục. Tương tự, kết quả từ việc khảo sát về quan điểm của GgV và SV trong nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2017) khẳng định tầm quan trọng của chiến lược ở tầm vĩ mô như sự lãnh đạo chỉ đạo từ nhà trường, việc chuẩn hoá chương trình, nâng cao chất lượng chuyên môn và trải nghiệm quốc tế của đội ngũ giảng dạy và SV, cải thiện hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị giảng dạy học tập và công tác đảm bảo chất lượng của chương trình.

Để cải tiến kết quả triển khai quốc tế hoá CTĐT, một số tác giả đặc biệt nhấn mạnh vai trò của lực lượng tham gia trực tiếp là GgV và SV. Thụy và cộng sự (2017) mô tả cơ chế của việc phát triển đội ngũ bao gồm việc thu hút học giả, GgV từ nước ngoài, tăng cường cử GgV tham gia học tập chuyên môn ở nước ngoài, phát triển kiến thức tổng hợp và kĩ năng làm việc đa dạng, trao đổi GgV giữa các đối tác, khuyến khích GgV tham gia vào cộng đồng khoa học với các chuyên gia đầu ngành và tăng cường số lượng xuất bản quốc tế. Trinh và Conner (2019) kết luận sự tham gia của SV là nguồn thông tin hữu ích và đa dạng nhằm phát triển và triển khai chương trình đào tạo được quốc tế hoá một cách hiệu quả.

2.4. Đề xuất một số giải pháp về triển khai quốc tế hoá chương trình đào tạo ở Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan về quốc tế hoá CTĐT trên thế giới và bối cảnh tại Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của hoạt động quốc tế hoá CTĐT nói riêng và quốc tế hoá GDDH nói chung như sau:

- Ở cấp độ chính sách: + Chính phủ cần xác định rõ nội hàm ý nghĩa của quốc tế hoá GDDH và quốc tế hoá chương trình đào tạo trên cơ sở phân tích các mô hình lí thuyết và thực tiễn tốt nhất trên thế giới, đồng thời phân tích

đặc điểm về bối cảnh lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội và học thuật của hệ thống giáo dục nhằm đặt ra những mục tiêu, lộ trình quốc tế hoá giáo dục khả thi; + Chính phủ cần đặt trọng tâm hơn nữa việc quốc tế hoá chương trình đào tạo, tăng quyền tự chủ cho các trường đại học trong việc phát triển, quản lý CTĐT, đồng thời đưa ra cơ chế chính sách và các hướng dẫn đồng bộ để hỗ trợ các trường trong triển khai hoạt động này; + Chính phủ cần tăng cường đầu tư về nhân lực, vật lực cho quốc tế hoá CTĐT thông qua các hoạt động hợp tác với các chính phủ, tổ chức, cơ sở giáo dục quốc tế, thu hút, đào tạo đội ngũ xây dựng, phát triển và triển khai CTĐT được quốc tế hoá.

- *Ở cấp độ cơ sở GDDH*: + Đề triển khai quốc tế hoá CTĐT, các trường đại học cần tuân thủ các quy định, chính sách của nhà nước, đồng thời phát huy tính tự chủ trong phát triển và quản lý CTĐT phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường và nhu cầu xã hội; + Việc quốc tế hoá CTĐT cần được tiến hành đồng bộ, có hệ thống cùng các chiến lược khác vì mục tiêu quốc tế hoá giáo dục toàn diện như thu hút GgV, SV quốc tế, tăng cường các chương trình hợp tác, trao đổi với nước ngoài, ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai hợp tác đào tạo hay đồng bộ tiêu chuẩn chất lượng với các chương trình tương tự trên thế giới; + Việc quốc tế hoá CTĐT ở các cơ sở GDDH cũng cần có sự tham gia tích cực của đội ngũ GgV và SV với vai trò xây dựng và triển khai CTĐT. Trong, đó đội ngũ GgV cần tích cực gia tăng hợp tác với các chuyên gia, GgV ở nước ngoài và từ doanh nghiệp đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin, các nội dung, phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm tạo ra tính đồng bộ giữa các thành tố của CTĐT, thúc đẩy trải nghiệm học tập đa dạng cho người học. SV trong các CTĐT được quốc tế hoá cũng cần được khuyến khích tham gia vào quá trình phát triển CTĐT, đồng thời bản thân họ cần tích cực tham gia vào các hoạt động học tập đa dạng nhằm phát triển tối đa kĩ năng học tập, nghiên cứu và kĩ năng giao tiếp liên văn hoá, giúp thích ứng với môi trường sống và làm việc toàn cầu.

3. Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan về quốc tế hoá GDDH, quốc tế hoá CTĐT bao gồm việc phân tích kết quả từ một nghiên cứu trắc lượng thư mục từ bộ cơ sở dữ liệu trích xuất từ hệ thống Scopus và tìm hiểu bối cảnh chính sách, thực tiễn triển khai quốc tế hoá CTĐT ở Việt Nam, tác giả đã bàn luận về một số xu hướng chủ yếu trong quốc tế hoá GDDH và quốc tế hoá CTĐT trên thế giới và ở Việt Nam, đồng thời đưa ra một số gợi ý ở cấp chính sách và cấp cơ sở giáo dục. Những bàn luận trong bài báo này có thể là điểm xuất phát cho phân tổng quan ở những nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Beelen, J., & Leask, B. (2011). *Internationalization at home on the move*. Berlin: Dr. Josef Raabe Verlag.
- Bộ GD-ĐT (2020). *Chỉ thị số 666/CT-BGDĐT ngày 24/8/2020 về nhiệm vụ và giải pháp năm học 2020-2021 của ngành giáo dục*.
- Brassier-Rodrigues, C. & Brassier, P. (2021). *Internationalisation at home: A collection of pedagogical approaches to develop students' intercultural competences*. Brussels: Peter Lang.
- Brewer, E., & Leask, B. (2012). Internationalization of the curriculum. In D. K. Deardorff, H. De Wit, & T. Adams (Eds.), *The SAGE handbook of international higher education* (pp. 245-266). Thousand Oaks, CA: SAGE Publishing.
- Capobianco, S., Chen, X., Líppez-De Castro, S., & Rubaii, N. (2018). Enhancing global and intercultural competencies in Master of Public Administration classes: Assessing alternative approaches to incorporating cultures and languages. *Teaching Public Administration*, 36(2), 178-200.
- De Wit, H. (2013). Internationalisation of higher education, an introduction on the why, how and what. In H. De Wit (Ed.), *An introduction to higher education internationalisation: Centre for higher education internationalisation* (pp. 13-46). Milan: Università Cattolica Del Sacro Cuore.
- De Wit, H. (2020). Internationalization of higher education. *Journal of International Students*, 10(1), 1-5. <https://doi.org/10.32674/jis.v10i1.1893>
- Deardorff, D. K., de Wit, H., & Heyl, J. D. (2012). Bridges to the future. In D. K. Deardorff, H. De Wit, J. Heyl, & T. Adams (Eds.), *The SAGE handbook of international higher education*. (pp. 457-487). Thousand Oaks, CA: SAGE Publishing.

- Green, W., & Mertova, P. (2009). *Internationalisation of teaching and learning at the University of Queensland: A report on current perception and practices*. http://ioc.global/wp-content/uploads/2017/06/loTL_UQ.pdf
- Hudzik, J. K. (2011). *Comprehensive internationalization: From concept to action*. Washington, D. C.: NAFSA, The Association of International Educators.
- Ivey, T. (2009). *Curriculum internationalization and the community college*. Doctoral dissertation in education. East Carolina University, USA.
- Jon, J.-E., & Kim, E.-Y. (2011). What it takes to internationalize higher education in Korea and Japan: English-mediated courses and international students. In J. D. Palmer, A. Roberts, Y. H. Cho, & G. Ching (Eds.), *The internationalization of East Asian higher education* (pp. 147-171). New York: Palgrave Macmillan.
- Kashkan, G. V., & Egorova, M. S. (2015). Problems and outlooks of international integration of higher education. *International Education Studies*, 8(7). <https://doi.org/10.5539/ies.v8n7p250>
- Knight, J. (2008). Internationalization: A Decade of Changes and Challenges. *International Higher Education*, 50. <https://doi.org/10.6017/ihe.2008.50.8001>
- Knight, J., & De Wit, H. (1997). *Internationalisation of higher education in Asia Pacific countries*. Amsterdam: European Association for International Education.
- Le, T. H. P. (2019). *Internationalisation of the business curriculum in Australian and Vietnamese universities*. Doctoral dissertation, Deakin University, Australia. <https://dro.deakin.edu.au/eserv/DU:30140456/phan-internationalisationofthe-2019.pdf>
- Leask, B. (2015). Internationalization, the curriculum and the disciplines. *International Higher Education*, 83, 10-12. <https://doi.org/10.6017/ihe.2015.83.9079>
- Nguyễn Trọng Hoài (chủ nhiệm, 2021). *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đẩy mạnh quốc tế hoá giáo dục Việt Nam*. Đề tài Khoa học cấp Bộ, mã số: KHGD/16-20.ĐT.018.
- Sá, M. J., & Serpa, S. (2020). Cultural dimension in internationalization of the curriculum in higher education. *Education Sciences*, 10(12). <https://doi.org/10.3390/educsci10120375>
- Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 2448/QĐ-TTg ngày 16/12/2013 về phê duyệt về đề án hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020*.
- Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về khung trình độ quốc gia Việt Nam*.
- Thuy, B. L., Huong, L. H., & Ha, D. X. (2017). Enhancing the lecturers' competencies in internationalise higher education in Vietnam. *Turkish Online Journal Of Design Art and Communication*, 7, 1985-1998.
- Tran, T. L., Phan, H., & Marginson, S. (2018). The 'Advanced Programmes' in Vietnam: Internationalising the Curriculum or Importing the 'Best Curriculum' of the West?. *Internationalisation in Vietnamese Higher Education*, 55-75. https://doi.org/10.1007/978-3-319-78492-2_4
- Trinh, N. A., & Conner, L. (2019). Student engagement in internationalization of the curriculum: Vietnamese domestic students' perspectives. *Journal of Studies in International Education*, 23(1), 154-170.
- Van der Wende, M., & Bremer, L. (1995). *Internationalising the curriculum in higher education*. Amsterdam: Nuffic.